TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-10-2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979. Địa chỉ: Xóm A, xã HH, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm A, xã HH, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Liên Bang Nga. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1958 Địa chỉ: Số nhà B, đường Nguyễn Huy Oánh, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 29/2/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại nhà bố mẹ anh Tr ở Xóm A, xã HH, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do tính tình ngày càng không hợp, thường xuyên nghi ngờ nhau. Do công việc nên anh Tr hay vắng nhà và đến tháng 6 năm 2019, chị Q đã đưa các con về bên ngoại, tự ý làm thủ tục đi xuất khẩu lao động sang Liên Bang Nga. Do vợ chồng trước đó đã có mâu thuẫn, chị Q đi xuất khẩu lao động không báo cho anh Tr nên vợ chồng không liên lạc với nhau, cắt đứt mọi quan hệ. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Văn Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Phạm Thị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/7/2013, hiện nay hai con đang ở với gia đình ông Phạm Xuân H (là bố đẻ của chị Q). Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Phạm Thị Q: Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu chị Phạm Thị Q có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; quyết định đưa vụ án ra xử cho chị Phạm Thị Q thông qua ông Phạm Xuân H (bố đẻ của chị Q), nhưng hiện tại chị Phạm Thị Q vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến ông Phạm Xuân H (bố đẻ của chị Q)

Chị Q và anh Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/7/2013. Từ tháng năm 2019 đến nay gia đình ông Phạm Xuân H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn Q. Ông H không yêu cầu Tòa án buộc chị Q, anh Tr phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu từ trước đến nay. Nếu Tòa án giao cháu Nguyễn Văn D và cháu Nguyễn Văn Q cho chị Q nuôi dưỡng thì gia đình ông H đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu khi chị Q đi vắng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn Tr xin ly hôn với chị Phạm Thị Q hiện đang cư trú tại Liên Bang Nga nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền tại điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Phạm Thị Q chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo ông Phạm Xuân H (bố đẻ của chị Q) cung cấp hiện nay chị Q đang sinh sống tại Liên Bang Nga, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị Q thỉnh thoảng điện thoại về cho ông H, nên chị Q đã biết được việc anh Nguyễn Văn Tr xin

ly hôn và không có ý kiến gì. Việc chị Q vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn với chị Phạm Thị Q; hiện nay 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/7/2013 ở với ở với bố mẹ chị Q và có nguyện vong ở với mẹ, tuy nhiên hiện nay chị Q đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao cho 02 con chung cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do anh Tr không yêu cầu, chị Q chưa có ý kiến nên chưa xem xét; tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Tr trình bày chị Phạm Thị Q đang ở Liên Bang Nga nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của chị Q là ông Phạm Xuân H (bố đẻ của chị Q) thì được cung cấp chị Q hiện nay đang ở Liên Bang Nga thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho gia đình nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Do chị Phạm Thị Q trước khi xuất cảnh có nơi ĐKHKTT cuối cùng tại thành phố V, tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Xuân H (bố đẻ của chị Q) cung cấp hiện nay chị Q đang ở Liên Bang Nga nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Chị Q vẫn gọi điện thoại về cho ông H và chị Q đã biết được anh Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng chị Q không có ý kiến gì. Như vậy, chị Q đã biết được anh Tr yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo được quy định tại Công văn số 253/TATC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Tr và chị Q là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nay vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh Tr ở Việt Nam, chị Q ở Liên Bang Nga nên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần mất đi. Anh Tr, chị Q đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa anh Tr, chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trong, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho anh Tr, chị Q được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/7/2013. Hiện nay, chị Q đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Tr

đang ở Việt Nam có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Vì vậy, giao 02 con chung cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Phạm Thị Q chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về chi phí chăm sóc 02 con chung: Từ năm 2019 đến nay, gia đình ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn D và cháu Nguyễn Văn Q nhưng ông H không yêu cầu Tòa án buộc chị Q, anh Tr phải phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng 2 cháu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Q.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/7/2013 cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn Tr chưa yêu cầu chị Phạm Thị Q cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000047 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Phạm Thị Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã HH;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh